

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần:	Tiếng Nhật 5
Mã số học phần:	JP2126
Khối lượng:	4 (0-8-0-8) <ul style="list-style-type: none">- Lý thuyết: 120tiết (30 buổi x 4 tiết)- BTL: 0 tiết- Thí nghiệm: 0 tiết
Học phần tiên quyết:	-
Học phần học trước:	-
Học phần song hành:	-

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Mục đích của Hedspi là đào tạo nguồn nhân lực có khả năng làm việc và gặt hái thành công ở các công ty Nhật Bản. Để vào được công ty của Nhật, tại thời điểm phỏng vấn, ứng viên được đòi hỏi phải có chứng chỉ năng lực tiếng Nhật (JLPT) trình độ N3 trở lên. Bất kể thành tích môn tiếng Nhật của ứng viên tại trường đại học tốt đến đâu đi chăng nữa, đa phần các công ty đều yêu cầu ứng viên phải chứng minh được năng lực của mình một cách khách quan; chính vì thế có một sự thật là nếu ứng viên chưa có bằng N3 thì thậm chí còn không có cơ hội tham gia phỏng vấn. Mục tiêu lớn nhất được đặt ra cho học kỳ này chính là thi đỗ N3 (kỳ thi JLPT). Trong học phần này, giáo viên không chỉ chia tổng thể kiến thức đã học từ trước đến giờ thành những đầu mục nhỏ như ① Từ vựng, chữ Hán, ②Ngữ pháp, ③ Nghe hiểu, ④ Đọc hiểu nhằm giúp sinh viên luyện thi mà còn đặt nền móng để sinh viên tiến lên trình độ tiếng Nhật trung cấp sau này. Cụ thể:

① Từ vựng, chữ Hán → Học từ vựng và chữ Hán cần thiết cho trình độ từ N3 trở lên. Đây là phần cơ bản để luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu.

② Ngữ pháp → Bên cạnh việc học các mẫu ngữ pháp mới của N3, sinh viên còn được học sự khác biệt so với các mẫu ngữ pháp tương tự đã từng học trước đây (khác biệt về cách sử dụng, sắc thái ý nghĩa).

③ Nghe hiểu → Nói là "nghe hiểu" nhưng cũng có rất nhiều dạng bài khác nhau. Nội dung rất đa dạng, có bài yêu cầu nghe một đoạn dài rồi trả lời câu hỏi, có bài xem tranh để trả lời câu hỏi, cũng có bài liên quan đến những cách diễn đạt cố hữu đã thành thói quen của người Nhật. Ngoài việc luyện tập để có thể trả lời nhiều dạng câu hỏi khác nhau, sinh viên còn được làm quen với tốc độ nói chuyện của người Nhật.

④ Đọc hiểu → Có rất nhiều dạng đề khác nhau, từ đoạn văn ngắn đến đoạn văn dài. Trong học phần này, sinh viên sẽ được củng cố những kỹ năng như: kỹ năng suy luận để hiểu nội dung ngay cả khi không biết từ vựng, kỹ năng tìm ra một thông tin cụ thể nào đó (kỹ năng đọc quét - scanning), kỹ năng đọc nhanh để có thể nắm được ý chính của toàn bài (kỹ năng đọc lướt - skimming)...

3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng:

Mục tiêu/CĐR	Mô tả mục tiêu/Chuẩn đầu ra của học phần	CĐR được phân bổ cho HP/ Mức độ (I/T/U)
[1]	[2]	[3]
M1	Từ Vựng, chữ Hán	2.3.3, 1.1.4
M1.1	Từ vựng: Có thể nhớ và vận dụng đúng cách diễn đạt trong tiếng Nhật trình độ N3 (Khoảng từ 400 từ)	
M1.2	Nâng cao năng lực tự học chữ Hán (Cách đọc và cách dùng)	
M2	Ngữ pháp: Hiểu ý nghĩa và cách dùng của khoảng 60 mẫu câu N3 và giải các bài tập ngữ pháp JLPT N3	2.3.3, 1.1.4
M3	Nghe Hiểu: Nắm được ý chính của các đoạn hội thoại trình độ N3. Có thể đưa ra được các câu trả lời tùy từng hướng cụ thể.	2.3.3, 1.1.4
M4	Đọc Hiểu: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu, có thể trả lời được các câu hỏi của bài đọc trình độ N3	2.3.3, 1.1.4

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Giáo trình

- [1] Sách Mimikara oboeru N3 từ vựng (耳から覚えるN3語彙)
- [2] Sách Shinkanzen Master (新完全マスター) N3: Ngữ Pháp (文法)
- [3] Sách patan betsu Nghe hiểu, sách Doriru Doriru Nghe hiểu (パターン別聴解 / ドリル&ドリル聴解)
- [4] Sách Shinkanzen Master (新完全マスター) N3: Đọc hiểu (読解厳選テーマ25+10 [初中级])

Sách tham khảo

5. CÁCH ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Điểm thành phần	Phương pháp đánh giá cụ thể	Mô tả	CĐR được đánh giá	Tỷ trọng
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
A1. Điểm quá trình (*)	A1.1: Điểm chuyên cần	Tính theo % đi học trên lớp		10%
	A1.2. Minitest	Thi viết	M1,M2,M3,M4	10%
	A1.3: Thi giữa kỳ	Lấy thành tích theo các bài kiểm tra tổng hợp	M1,M2,M3,M4	40%
A2. Điểm cuối kỳ	A2.1. Thi cuối kỳ	Thi viết	M1,M2,M3,M4	40%

* Điểm quá trình sẽ được điều chỉnh bằng cách cộng thêm điểm chuyên cần. Điểm chuyên cần có giá trị từ -2 đến +1, theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	1. Orientation 2. Ngữ pháp: Bài 1(Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu chỉ thời điểm dùng〜うちに; 〜間に; 〜てからでないと; 〜ところだ)+Bài 2 (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu về quan hệ của động từ dùng 〜とおりで; 〜によつて; 〜たびに; 〜(ば)〜ほど; 〜ついでに) 3. Nghe hiểu: Mẫu câu xin phép (xác nhận những điểm khác biệt) - moraeru ⇔ sasete moraeru 4. Đọc hiểu: Chủ đề : Chữ Hán của năm, Thương mại, kiến giảng xã hội.	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
2	1. Từ vựng: Danh từ liên quan đến nhân sinh (cách gọi, giới tính, tuổi tác, tính cách,...) từ 1-71 : 2. Ngữ pháp: Bài 3(Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu chỉ mức độ dùng〜くらいだ; 〜くらい・・・はない; 〜くらいなら; 〜にかぎる) 3. Nghe hiểu: Hiểu đề bài, hiểu ý chính, cách nói thể ngắn. 4. Đọc hiểu: Chủ đề : Kính lão, quản lý ngân nấp, Nét đẹp miền quê.	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
3	1. Ngữ pháp: Bài 4(Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu chỉ sự đối lập dùng〜に対して; 〜半面; 〜一方; 〜というより; 〜かわりに) 2. Nghe hiểu: Hội thoại: Menu. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, luyện tập hội thoại sử dụng「〜そうな」 3. Đọc hiểu: Chủ đề : Shopping, trải nghiệm thú vị, mỹ phẩm,	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra ngữ pháp minitest
4	1. Từ vựng: Danh từ liên đến thiên nhiên, thời tiết, đồ vật thường nhật,... từ 72 - 120 2. Ngữ pháp: Bài 5(Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu chỉ mục đích của hành động dùng 〜ためだ; 〜によつて; 〜から) 3. Nghe hiểu: Chủ đề: Kiểu tóc. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, cách nghe, nói dùng「〜でも」 4. Đọc hiểu: Chủ đề : email, thông báo, thư tay.	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra từ vựng minitest

5	<p>1. Hoạt động giao lưu.</p> <p>2. Ngữ pháp: Bài 5 (tiếp)(Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu chỉ mục đích của hành động dùng ～ためだ; ～によつて; ～から) + Bài 6(Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu giả định dùng なら、ては、さえ～ば)</p> <p>3. Nghe hiểu: Luyện tập mẫu câu JLPT. Hiểu đề bài, hiểu ý chính.</p> <p>4. Đọc hiểu: Chủ đề : đưa ra ý kiến, essay, quảng cáo, lễ phục.</p>	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
6	<p>1. Từ vựng: Động từ mới liên quan đến danh từ nhân sinh , từ 171 - 220</p> <p>2. Ngữ pháp: Bài 6 (tiếp) (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu giả định dùng なら、ては、さえ～ば)</p> <p>3. Nghe hiểu: Chủ đề: Cách ăn uống. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, cách nghe, nói trong hoàn cảnh đặc biệt.</p> <p>4. Đọc hiểu: Chủ đề : quảng cáo tuyển dụng, chia tiền.</p>	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra ngữ pháp minitest
7	<p>1. Ngữ pháp: Bài 7 (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu tin đồn dùng って、とか、といふ) + Bài 8 (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu phủ định dùng はずがない、とは限らない、わけではない)</p> <p>2. Nghe hiểu: Chủ đề: Nấu nướng. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, cách giới thiệu về món ăn kèm theo cách chế biến.</p> <p>3. Đọc hiểu: Chủ đề : Đơn thuốc, business mail, nghề đầu bếp.</p>	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
8	<p>1. Từ vựng: Động từ mới liên quan đến danh từ nhân sinh , từ 171 - 220 (tiếp)</p> <p>2. Ngữ pháp: Tổng hợp ngữ pháp từ bài 1-6</p> <p>3. Nghe hiểu: Chủ đề: Thử làm gì đó. Hiểu đề bài, hiểu ý chính.</p> <p>4. Đọc hiểu: Chủ đề : Cũ chỉ cú đầu, KHKT, Đô thị địa phương</p>	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra từ vựng minitest
9	<p>1. Từ vựng: Ôn tập từ vựng đã học.</p> <p>2. Ngữ pháp: Bài 9: (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu thỉnh cầu dùng てもらいたい、させてもらいたい、といい)</p> <p>3. Nghe hiểu: Chủ đề: Bảng thông báo. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, nắm được các thông tin trên bảng thông báo.</p> <p>4. Đọc hiểu: Chủ đề : Hoa anh đào, Robot Điều dưỡng. Phân biệt 「する」と「なる」</p>	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
10	<p>1. Ngữ pháp: Bài 11 (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu quyết định dùng ことにする、ようにする、ようとする、つもりだ)</p> <p>2. Nghe hiểu: Chủ đề: Ngày lễ trưởng thành. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, nhận biết độ khó của câu hỏi.</p>	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra ngữ pháp minitest

	3. Đọc hiểu: Chủ đề : Tàu shinkansen, khác biệt giới tính, HouRenSou.			
11	1. Từ vựng: Tính từ mới liên quan đến danh từ thiên nhiên,... số 259 - 310. 2. Ngữ pháp: Bài 10: (Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu thể mệnh lệnh, thể cấm chỉ dùng ~こと、~べきだ、~べきではない、~たらどうか) 3. Nghe hiểu: Chủ đề: Năng lực chất vấn. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, Có thể đưa ra được câu trả lời ngay tức khắc. 4. Đọc hiểu: Chủ đề : Di sản, kỷ ức thời học sinh, tập quán của người Nhật	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
12	1. Ngữ pháp: Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu nêu căn cứ dùng ~について、~に対する、~によって、~にとって、~として) 2. Nghe hiểu: Chủ đề: Năm hết Tết đến + Các giới thiệu. Hiểu đề bài, hiểu ý chính, tìm hiểu các phong tục cuối năm đầu năm ở Nhật và so sánh với Việt Nam 3. Đọc hiểu: Chủ đề : Leo núi Phú Sĩ, tán mạn về văn học, ưu điểm của viết tay.	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra từ vựng minitest
13	1. Từ vựng: Từ ngoại lai Katakana 511 - 550 2. Ngữ pháp: Cách sử dụng và ý nghĩa Mẫu câu thể bị động, thể sai khiến, thể bị động sai khiến kết hợp dùng ~される、~させられる) 3. Nghe hiểu: Chủ đề: Cơ sở vật chất. Hiểu đề bài, hiểu ý chính. 4. Đọc hiểu: Chủ đề : Quảng cáo sản phẩm, quảng cáo nhà đất.	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Kiểm tra ngữ pháp minitest
14	1. Ngữ pháp: Ôn tập các mẫu câu đã học 2. Nghe hiểu: Hiểu đề bài, hiểu ý chính, Lựa chọn các cách nói khác nhau cho từng hoàn cảnh khác nhau. 3. Đọc hiểu: Chủ đề : Văn hóa, Menu, bảng lương, thông báo trên tàu điện.	M2,M3, M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
15	Ôn tập tổng hợp. Motivation UP Câu đố liên quan đến Nhật Bản: Sự kiện tạo cơ hội để sinh viên biết về cuộc sống cũng như tình hình thực tế tại Nhật Bản.	M1,M2, M3,M4	(Từ vựng) Ôn tập những kiến thức đã học trên lớp. Tiếp đó là check lại trong giờ học.	Không
16	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ	M4	Ôn tập	Không
Kiểm tra cuối kỳ				

7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

(Các quy định của học phần nếu có)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Chủ tịch Hội đồng	Nhóm xây dựng đề cương
--------------------------	-------------------------------

9. QUÁ TRÌNH CẬP NHẬT

Lần cập nhật	Nội dung điều chỉnh	Ngày tháng được phê duyệt	Áp dụng từ kỳ/khóa	Ghi chú
1			
2			